Hữu Bằng Tự Viễn Phương Lai

» Tác giả: Nguyễn Xuân Vinh

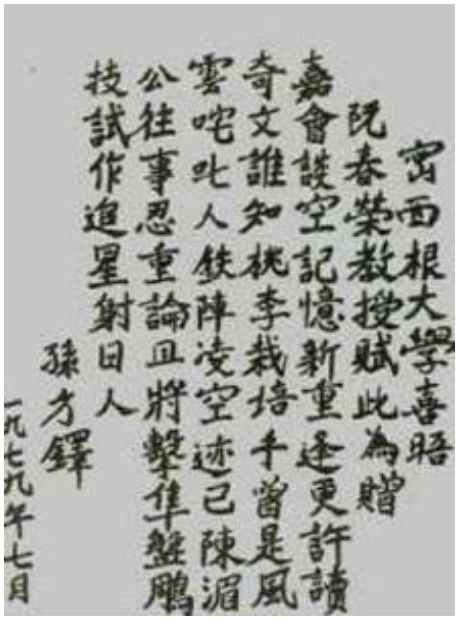

Bài thơ của Tôn Phương Đạc.

Đầu bài là một câu cổ thi, khắc trên một chiếc bật lửa, tôi để trên bàn học. Câu thơ có nghĩa là có người bạn tự phương xa lại, và câu thơ tiếp theo ngụ ý là còn niềm vui chi bằng. Món quà nhỏ bằng bạc đựng trong một hộp nhựa màu xanh là do Thượng Tướng Trần Gia Thượng, Tư Lệnh Không Lực Trung Hoa Quốc Gia đã tặng tôi trong một lần thăm viếng Đài Bắc cách đây gần trọn hai mươi năm. Và đã gần hai mươi năm nay, với tôi, bao lần bạn bè đã tới lại đi, tôi không nhớ hết. Có những người trong một chuyến viễn du, nhân bay qua khung trời, ghé lại thăm hỏi vì nhớ tình cố cựu. Rồi ngày hôm sau anh lại lên đường. Đôi khi gửi chút tin về. Có những người, lần tới thăm sau cùng là lần ly biệt. Có người thân tình thường thư từ liên lạc. Rồi một ngày, trời trong xanh như tình người thắm đặm, tôi nhận được tin bạn sắp sang. Một chuyến đi từ quê hương xa vạn dặm. Anh sẽ thu xếp để lên miền cực Bắc Hoa Kỳ. Dù chỉ để ghé lại một ngày, nhưng cũng được dịp cùng nhau tâm sự tới khuya.

Từ mấy năm nay tôi gặp lại bạn cũ nhiều hơn vì sau quốc biến nhiều bạn bè đã tới xứ lạ phương trời này. Với những bạn cũ nếu chúng tôi không cùng nhau hội diện thì cũng điện đàm, nhờ sóng đài chuyển lời qua ngàn dặm. Để rồi qua những lần nói chuyện, những tin tức đi về, kẻ đi người ở, tôi được biết có nhiều bạn thân tình, rồi đây khó có kỳ hội ngộ. Vì các anh còn ở lại quê hương, ở phương trời xa lắc, cách nửa vòng địa cầu. Ngày hôm nay, trong buổi phân kỳ, tôi nhớ đến các anh với một tia hy vọng mong manh, mong có ngày tái ngộ.

Tôi có những người bạn đồng hương như trong tình ruột thịt. Nhưng bạn bè có thể đến tự viễn phương, như ông Thượng Tướng Quân, ở vùng Đài Bắc. Tuy tuổi đời chênh lệch, hồi gặp gỡ tôi mới chỉ vào tuổi thanh niên mà ông đã bước vào ngũ tuần, nhưng tôi với ông có tình chiến hữu. Cùng ở Không Quân, mỗi người giữ một lá cờ tư lệnh , ông ở đảo Đài Loan, tôi ở phía Nam giải Trường Sơn, trên không phận Cửu

Long Giang, chúng tôi tới thăm nhau để gây mối tình liên kết. Ngoài kỹ thuật chuyên môn, khi đàm đạo, chúng tôi chuyển qua từ phú. Câu cổ thi tôi nhắc lại, được ông cho khắc vào vật kỷ niệm và đưa tặng con người tới tự viễn phương.

Giã từ Đài Bắc, gần hai mươi năm trước đây, tôi biết sau này thế nào cũng có ngày trở lại, nhưng sẽ không phải trong bộ nhung phục mà trong sắc thái văn nhân nhàn nhã hơn, như câu thi từ đề. Tiếng nhạc lâm hành đưa tiễn, dàn quân đứng uy nghi, bóng cờ phất phới trong gió mạnh phi trường. Chúng tôi bắt tay nhau giã từ, hẹn có ngày hội ngộ trong khung cảnh khác. Tôi đã được vị tướng quân tư lệnh cho biết, mấy tháng sau hết nhiệm kỳ, ông sẽ rời lên giữ một nhiệm vụ khác ở Bộ Quốc Phòng. Còn tôi, tôi cũng cho ông hay, trong năm tới tôi sẽ rời quê hương để đi du học, trở lại với mái trường. Nhưng tôi đâu biết rằng xa xứ lần này sẽ kéo dài triền miên, trừ một lần ngắn ngủi về thăm quê nhà được hơn một tuần, cuộc sống ly hương của tôi thành trọn vẹn.

Dưới mái học đường, có những ngày trầm lặng, tôi đi trên sân trường lòng nặng những ưu tư, nhưng cũng có những ngày trôi nổi đưa tôi đến những xứ lạ phương trời. Qua những hội nghị khoa học, những lần đi thuyết trình tại những đại học viễn phương, tôi vẫn được tiếp tục cuộc sống biển hồ. Qua những nhiệm mầu của thế kỷ, vòng khung trời được thu hẹp. Giờ đây, bay trọn một vòng trái cầu, đâu chỉ mất chưa đầy hai giờ. Hay xa hơn nữa, lên thăm chị Hằng Nga, chuyến bay vũ trụ đi về cũng chỉ trọn vẹn trong một tuần. Những phép tính tôi viết trên giấy trắng cho biết như thế. Vòm trời mở rộng không còn thu hẹp trên quê hương. Tuy vậy mỗi lần nhìn về quê hương, như ai xưa kia đã nói, nhà ta ở phương trời kia, dưới đám mây Hàng, tôi vẫn thấy lòng nặng buồn, vì quê hương còn bao ân tình lưu luyến. Trời trong xanh thắm đặm, như gợi máu sông hồ, gió làm phiêu bồng mái tóc, thì thầm như kêu gọi khách du, những quyến rũ của viễn phương cũng không sao làm tôi quên được những vẻ đẹp của quê hương. Cố đô không biết nay có còn trầm lặng trong vàng son cổ kính, đường Cổ Ngư, hồ Trúc Bạch liệu có còn vẻ quyến rũ như xưa , nào đâu tôi có biết. Dù có được tự do đi khắp sông hồ, quan sát những xứ người xa lạ, dù có được nhìn trong viễn kính khám phá những điều kỳ lạ trong vũ trụ mông lung, tôi cũng không thể nào biết được đời sống hiện nay ra sao ở quê hương, một mảnh đất nhỏ bé trên trái cầu này. Tâm sự những người bạn còn ở lại, tôi cũng chỉ được biết một cách mơ hồ qua ít lời kể trong những giòng thư viết đôi hàng ẩn ý.

Không còn được gần những bạn cũ đồng quê hương, nhưng đời sống khoa học đã đưa đến với tôi những người bạn mới. Qua những sáng tác đăng trên sách báo, chúng tôi biết tên nhau và biết sở học của nhau. Rồi nếu có dịp gặp gỡ tại các hội nghị chúng tôi tìm đến nhau thăm hỏi. Mối giao tình chỉ trên phương diện nghề nghiệp. Mặn mà hơn nữa thì cùng nhau đụng ly bia trong một quán rượu ở Munich hay chia nhau một đùi cừu trong một tiệm ăn ở Buenos Aires. Mỗi người nói một thứ tiếng, sống dưới một chế độ. Ở một lần họp ở Anaheim tại California, tại một Hội nghị Không gian Quốc tế nhằm vào dịp hai trăm năm lập quốc của Hoa Kỳ, một giáo sư Nga ở Hàn lâm Viện Mạc Tư Khoa đến tìm gặp tôi để tặng một cuốn sách. Ông chỉ trang trong đó có nhắc đến tên tôi. Tôi cũng chỉ biết tin như vậy vì theo lối viết Nga, tên tôi chữ V đã biến thành chữ B và chữ N được đổi thành chữ H. Tuy vậy những công thức nguyên thủy tôi viết ra được in trọn vẹn. Vì trọ cùng một khách sạn, tối hôm đó chúng tôi ngồi ăn cùng bàn để có dịp đụng ly. Ngày hôm sau lên đường, mỗi người đi một phương trời. Biết đâu trong lần gặp tới tôi chẳng đưa

cho người bạn Liên Sô một ấn trình trong đó tôi nhắc đến tên ông, để gọi là trả lễ. Ở thế kỷ này, ai được luôn nhắc đến tên thì người ấy thành một ngôi sao sáng. Định luật vĩnh cửu này cũng được áp dụng trong vòng khung chật hẹp của thế giới các khoa học gia.

Nhưng tôi cũng có những người bạn mới tìm đến nhau để làm quen với tất cả chân tình: như một giáo sư người Do Thái, lần nào qua Hoa Kỳ ông cũng thu xếp để ghé lại thăm tôi ở Michigan. Đã nhiều lần ông mời tôi trong lần nghỉ định kỳ-mỗi lục niên-sắp tới, dành thì giờ sang giảng dậy ở xứ ông. Vì là một xứ nghèo nên người bạn chỉ đề nghị là nếu tôi sang tới Âu châu trong dịp nghỉ thì ông có thể thu xếp để mời tôi đi thêm chặng nữa, tới Haifa là nơi Đại học ông giảng dậy. Tôi vẫn giữ lời mời này, để chờ ngày có dịp.

Tôi còn một người bạn thâm tình hơn, người Trung Hoa, hiện nay là giáo sư toán học tại Viện Đại Học Quốc Lập Thanh Hoa, là một Đại Học nổi tiếng ở Lục Địa , nay đã di tản sang Đài Loan. Vì ông nghiên cứu toán học áp dụng cho môn Cơ Học Thiên Thể là một trong những môn tôi đã viết ít nhiều trên sách báo nên lần nào có dịp gặp tôi ở một hội nghị ông cũng tìm lại nói chuyện. Có dịp sang Hoa Kỳ là ông lại tới thăm tôi ở Michigan. Còn thường ra thì vài tháng ông cũng một lần viết thư trao đổi ý kiến. Lần cuối cùng lại thăm, ông thấy chiếc bật lửa có khắc câu thơ tôi để trên bàn và hỏi tên người tư lệnh khắc bên câu thơ là đúng tên tôi hay tên một người khác trong họ. Ông không thể nghĩ rằng với tuổi đời của tôi mà cách đây hai mươi năm tôi đã chỉ huy một không lực. Tôi chỉ cười và nói với người bạn viễn phương rằng đó là chuyện năm xưa. Nhân tiện tôi tặng ông một chuyện ngắn viết bằng Anh ngữ về Không Quân Việt Nam tôi đã đăng cách đây nhiều năm trên một tạp chí xuất bản tại Hoa Kỳ. Nào ngờ người bạn phương xa của tôi cũng là một khách văn chương, thường ngâm vịnh thơ phú sau những giờ bù đầu với toán học. Về nước, ông viết ngay cho tôi, nhưng khác với những thư trước, đều nặng phần bàn luận toán học ngoài những câu thăm hỏi ở đầu và ở cuối, lần này là một bức thư tâm sự của một người tri kỷ. Ông mong chóng tới ngày hội ngộ để tiếp câu chuyện văn chương còn dang dở. Ông ngỏ ý mong tôi có thể tới Đài Loan giảng dậy chừng một hay hai tháng trong kỳ nghỉ sắp tới, và như vậy tôi cũng giữ được lời hứa với vị tư lệnh năm xưa. Để chờ đợi một ngày nào gió mây trời đưa lại cánh chim bằng, ông sáng tác và gửi tặng tôi một bài thơ

Cái vốn chữ Hán của tôi, học qua quít những ngày tóc còn để trái đào lại phải được tận dụng, để sau một buổi chiều xoay vần với cuốn Hán-Việt tự điển, tôi phiên âm được như sau:

Mật Tây Căn Đại Học Hỷ Ngộ
Gia hội bàn không ký ức tân,
Trùng phùng cánh hứa độc kỳ văn.
Thùy tri đào lý tài bồi thủ,
Tằng thị phong vân trá sất nhân?
Thiết trận lăng không tích dĩ trần,
Mi Công vãng sự nhẫn trùng luân.
Thả tương kích chuẩn bàng điêu kỹ,
Thí tác truy tinh xạ nhật nhân.

Giáo sư Tôn Phương Đạc Đại Học Quốc Lập Thanh Hoa

Mỗi lần đọc lại bài thơ tôi lại cảm thấy mối tri tình của người bạn. Cũng như tôi, ông là người đã mất quê hương, muốn quên dĩ vãng. Sáng tác bài thơ, ông muốn an ủi tôi nên vui và tự hào trong hiện tại nhưng một phần nào ông đã ký ức mối sầu thiên kỷ của lòng mình.

Bốn câu thơ đầu có nghĩa là buổi vui mừng gặp nhau để bàn chuyện khoa học không gian hãy còn như mới đây trong trí nhớ: được trùng phùng, người bạn còn hứa sẽ đọc áng văn hay đưa tặng. Như tôi là người đang dậy dỗ những tài năng tương lai, ông tự hỏi có ai biết rằng đó là người đã từng vùng vẫy thét gọi trong gió mây trời. Tôi đã cố gợi vần để dịch mấy câu thơ cho thoát ý:

Vui Mừng Gặp Nhau
Tại Đại Học Michigan
Vừa vui bàn chuyện trên trời,

Gặp nhau còn hứa đọc lời văn hay.
Ai từng gọi gió thét mây,
Mà nay vun sới cho bầy trẻ sau?

Ngâm câu thơ mà lòng thấy nặng buồn. Gợi mối sầu dĩ vãng, tôi nhìn thấy hình ảnh mình như trong một câu chuyện đời xưa, hình ảnh một ông thầy học, mặc áo thụng lam, mái tóc đã pha sương, tay cầm tẩu thuốc, nhìn bầy trẻ nhỏ, nghĩ đến những ngày đã qua, hào hùng trên lưng ngựa, gươm tuốt trần rong ruổi chiến trường. Như đoán được tâm sự của người nhận thơ, bốn câu cuối, người bạn Trung Hoa như muốn khuyên tôi nên quên sầu dĩ vãng. Lược dịch bốn câu thơ sau có nghĩa là những ngày vùng vẫy cánh sắt lưng trời nay đã trôi qua. Những chuyện cũ trên không phận Cửu Long Giang thôi nhắc đến làm chi. Kỹ thuật dẹp chim bằng buổi xa xưa nay đổi ra thành những phương pháp khoa học tinh kỳ dùng để điều khiển hoả tiễn nhằm bắn vùng thái dương hay xa hơn nữa tới những tinh tú trong vũ trụ mung lung. Bốn câu thơ này tôi đã dịch tiếp như sau:

Lưng trời cánh sắt còn đâu,
Chuyện Mê Kông nhắc chi rầu lòng thương.
Dẹp chim bằng buổi nhiễu nhương,
Nay đem tài bắn thái dương tinh cầu.

Vốn Hán học của tôi có giới hạn, lúc dịch thơ lại muốn chen vào tâm sự lòng mình nên tuy nguyên bản của người bạn viễn phương có ý gợi niềm phấn khởi, nghĩ tới tương lai, hướng lên vũ trụ xa vời mà lời thơ tôi dịch lại nghe nặng ưu phiền. Một người em kết nghĩa ở miền cực Bắc này, trước làm Tổng Giám Đốc Thuế Vụ ở Việt Nam đã dịch lại bài thơ với những lời hào phóng như sau:

Chuyện cũ không gian như mới đây,
Trùng phùng lại được áng văn hay.
Ai dè sư trưởng vun đào lý,
Từng lãnh quân hàm thét gió mây.
Cánh sắt tung trời khôn luyến tiếc,

Mê Kông sải đất khó nguôi say.
Xưa trừ bàng điểu bao tài kỹ,
Nay đuổi tinh cầu đẹp lắm thay.
Trúc Đường Nguyễn Huy Hân

Một bạn trẻ khác là bác sĩ Nguyễn Mạnh ở Ca Li, sau một đêm tìm hứng gợi vần cũng góp thêm một bài dịch:

Vừa mới bàn nghiêng trục thế gian,
Lời văn tao luận nhớ đôi hàng.
Điều binh độ nọ bao phi tác,
Khai đạo ngày nay bấy đệ trang.
Cánh thép mây trời tung gió táp,
Mê Kông giải đất lắng tâm tràn.
Đả bàng, xạ điểu tay người ấy,
Nay bắt tinh cầu, đuổi nhật quang.
Khoá Nguyễn

Trong thư kèm gửi cho tôi, người bạn trẻ còn viết thêm:

“Chuyện cũ xa vời anh nên quên đi để hướng đến tương lai còn nhiều rực rỡ. Em dịch bài thơ này để có nghĩa là anh đã đi qua giai đoạn siêu âm, rồi nay còn tới thời kỳ siêu quang sáng lạn hơn nhiều”.

Viết bài này, tôi muốn chia niềm tâm sự với những bạn đọc cùng quê hương. Chuyện cũ Mê Kông, các bạn có quên được chăng? Còn tôi, mỗi lần nhắc tới, tôi lại thấy lòng nặng buồn. Đêm nay, có lẽ tôi sẽ theo lời khuyên của người bạn viễn phương, ra đứng bên hồ ngắm những chòm sao trên giải ngân hà, để mong được ít phút quên thực tại, thả hồn theo vũ trụ mung lung.

****

Bài văn “Hữu Bằng Tự Viễn Phương Lai” sau khi được đăng lần đầu trên nguyệt san Hồn Việt thì toà soạn nhận được lá thư sau đây của độc giả.

Thưa ông chủ nhiệm, Nhân đọc bài “Hữu Bằng Tự Viễn Phương Lai” của tác giả Toàn Phong, trong Hồn Việt số 119, và cũng để hưởng ứng lời yêu cầu của tác giả, tôi xin góp một vài ý kiến về bài thơ dịch của tác giả Trúc Đường Nguyễn Huy Hân.

Về bài thơ dịch của Trúc Đường tiên sinh, phải thú thực mà nói rằng bài thơ Đường luật rất chỉnh, măc dầu chưa lột được hết ý của tác giả. Tuy nhiên, dịch một bài Đường luật chữ Hán sang một bài Đường luật chữ Việt, lột hết được ý của bản chữ mà không phải dùng câu hoặc chữ “gượng ép” đâu phải là chuyện dễ, nhất là chữ Hán, một chữ thường bao hàm hai, ba nghĩa, hai ba ý mà bài Đường luật thì hạn chế chữ, hạn chế câu, lại niêm luật rắc rối đủ điều. Dịch giả nào mà chẳng điên đầu, bể óc khi tìm được câu dịch đắc ý mà không vi phạm niêm, luật. Vì vậy ngày nay, tôi thường được đọc những bài thơ Đường luật, lời và ý thật là tuyệt hảo, nhưng soát lại thì thấy niêm, luật không được tôn trọng. Vi phạm niêm, luật là một điều tối quan trọng trong luật Đường thi. Bài thơ dầu có hay mấy chăng nữa cũng chỉ là con số

không vậy.

Do đó, làm một bài Đường luật khó một thì dịch một bài Đường luật phải khó gấp mười. Vì, không những phải chải chuốt bài thơ sao cho người đọc cảm thấy lời văn được tự nhiên, không gò bó, ít có cảm giác là một bài thơ dịch bao nhiêu, thì bài dịch lại càng tài tình bấy nhiêu, mà lại càng phải thông suốt những ý chính của tác giả, để tránh dịch những câu phản nghĩa. Trong Pháp ngữ có câu: "Traduire c'est trahire". Tôi nghĩ câu này cốt để cảnh giác các dịch giả vậy.

Trở lại bài thơ dịch của tác giả Trúc Đường, trước hết tôi phải xin lỗi tác giả vì ở đây tôi không dám có ý phê bình, mà chỉ xin góp ý kiến hay phiếm luận cùng tác giả trong hai câu :

Ai dè sư trưởng vun đào lý,
Từng lãnh quân hàm thét gió mây

Chữ sư trưởng ở đây có lẽ tác giả muốn nói là một giáo sư kỳ cựu (Senior Professor) nhưng người đọc lại có cảm tưởng là một vị sư lão thành trụ trì ở một ngôi chùa cổ nào đó. Tôi còn nhớ trong truyện Kiều có câu :

Thấy mầu ăn mặc nâu sồng,
Giác Duyên sư trưởng lãnh lòng liền thương.

Tuy nhiên nếu chữ sư đi chung với chữ đệ thì nó lại có nghĩa là thầy trò. Chắc tác giả Trúc Đường cũng đồng ý với tôi ở điểm này ?

Ngoài ra, chữ quân hàm ở câu kế, người đọc cũng có cảm tưởng đây là một hàm tước trong quân đội (grade assimilée) chứ không phải chính tước, mà thực ra giáo sư Nguyễn Xuân Vinh trước đây là một vị Tư Lệnh Không Quân thực thụ. Vậy là chính tước chứ không phải hàm tước.

Dầu sao, nhận xét trên đây chẳng qua, như trên đã nói, chỉ là ý kiến cá nhân của riêng tôi, hay là vài câu phiếm luận, không phải trong lúc trà dư tửu hậu, mà là trong những chuỗi ngày buồn dài lê thê của cuộc đời di tản tha hương.

Cổ nhân ta thường nói « nhàn cư vi bất thiện ». Không biết có phải tôi đã làm điều đó hay không, mong tác giả Trúc Đường thông cảm.

Một điều nữa tôi muốn nói trong bài này để bày tỏ cảm tưởng của tôi đối với giáo sư Nguyễn Xuân Vinh :

Giáo sư Nguyễn Xuân Vinh, bút hiệu Toàn Phong, là một cấp chỉ huy Không quân trong thời Đệ Nhất Cộng Hoà, giỏi về môn toán học lại có tiếng là một thi nhân lả lướt. Có lẽ người Việt Nam trong giới văn học, không mấy ai là không biết tiếng.

Bẵng di một thời gian đã lâu, nay nhân đọc bài « Hữu Bằng Tự Viễn Phương Lai ». lại được biết thêm hiện nay ông lại là giáo sư dạy môn toán học không gian tại Đại học Michigan và thường được cử đi tham dự các khoá hội thảo về không gian tại các quốc gia khác.

Như vậy, không những ông đã là niềm kiêu hãnh cho cá nhân ông, mà chính là một niềm hãnh diện cho dân tộc Việt Nam ở cái xứ văn minh này vậy. Bằng chứng là bài thơ chữ Hán của giáo sư người Trung Hoa Tôn Phương Đạc tặng ông mà chúng ta đang tham luận đây cũng đã nói lên niềm kiêu hãnh ấy.

Vì nghĩ rằng, một nhân tài của một quốc gia, đáng lẽ trước tiên phải được giới văn nhân của quốc gia ấy khuyến khích, tán tụng, để làm gương cho các con em hậu thế noi theo, nhiên hậu mới tới người ngoại quốc đề cập đến. Tiếc rằng điều này chúng ta chưa làm, hay chưa có dịp làm. Vậy, nhân dịp này chúng tôi cũng cố gắng đem chút hiểu biết mọn trong lãnh vực Hán tự và trong văn thơ Việt Nam để dịch lại bài thơ Đường luật của giáo sư người Trung Hoa Tôn Phương Đạc tặng giáo sư Nguyễn Xuân Vinh, gọi là tỏ chút cảm tình đồng hương và lòng kính mến của chúng tôi đối với một nhân tài của nước Việt Nam ta vậy. Bài thơ dịch của chúng tôi, chắc rằng còn nhiều thiếu sót, ước mong các độc giả cao minh vui lòng bổ túc. Dịch bài thơ của GS Tôn Phương Đạc, người Trung Hoa tặng GS Nguyễn Xuân Vinh

Câu chuyện không gian nhớ độ nào
Trùng phùng lại đọc ý siêu cao.
Đem tài uyên bác vun mầm trẻ,
Tưởng gánh quân giao, ngọn gió phào.
Chim sắt lưng trời xoay thế trận,
Cửu Long ngang dọc, dạ thường nao.
Dương cung xưa bắn chim bằng điểu,
Nay nhắm tinh cầu lại phóng lao.

Viên Sơn, Kansas, Mùa Đông 1980.